

Bản án số: 114/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2021.

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Thoa.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

2. Bà Đồng Thị Mười.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thùy Trang - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2021 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 05/11/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Kim N, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Ông Lê Bảo V, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày:*

Tôi và ông Lê Bảo V là vợ chồng có tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/3/2015. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì đến tháng 10/2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc hiểu lầm trong gia đình, sau đó ông V bỏ về nhà ba mẹ ruột của ông V sinh sống từ năm 2019 đến nay, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Kim N yêu cầu ly hôn ông Lê Bảo V.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Hồng L, sinh ngày 23/8/2015, sau khi ly hôn bà N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Lê Bảo V vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 31/5/2021 ông V trình bày ý kiến như sau:*

Tôi và bà N là vợ chồng có đăng ký kết hôn, tôi về nhà cha mẹ ruột tôi sinh sống từ năm 2019 đến nay, tôi vẫn thường qua lại thăm con và rước con về nhà ông bà nội chơi. Tôi có qua lại để hàn gắn tình cảm, nhưng vợ tôi không đồng ý. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng từ việc kinh tế gia đình. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của vợ tôi không

đồng ý.

- Về hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với bà Trần Kim N.
- Về con chung : có 01 con chung như bà N trình bày. Trường hợp nếu Tòa án cho ly hôn thì tôi yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Bảo V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Bảo V.

[2] Bà Trần Kim N và ông Lê Bảo V chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/3/2015 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống tại nhà của cha mẹ ruột bà N đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà N khai thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không còn hòa hợp về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, ông V đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ông V sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, bà N có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông V. Ông Lê Bảo V trình bày, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 10/2019 đến nay nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn từ việc khó khăn về kinh tế gia đình, nay do còn thương vợ con nên ông V không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông V đã phát sinh trong thời gian dài bà N yêu cầu ly hôn và ông V không đồng ý ly hôn, nhưng ông V không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, và bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Từ đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà N và ông V là trầm trọng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, cho bà Trần Kim N được ly hôn với ông Lê Bảo V.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Hồng L, sinh ngày 23/8/2015, sau khi ly hôn bà N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Ông V cũng yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung nếu trường hợp Tòa án cho ly hôn. Xét thấy, cháu Lê Thị Hồng L từ khi sinh ra đến nay cháu L sống cùng với bà N, được bà N chăm sóc chu đáo, thể chất phát triển tốt. Nhằm tạo sự ổn định để cháu L phát triển tốt về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về con chung, giao cháu L cho bà N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: 2 bên đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Kim N. Cho bà Trần Kim N được ly hôn với ông Lê Bảo V.

2/. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Hồng L, sinh ngày 23/8/2015 cho bà Trần Kim N chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Lê Bảo V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Bảo V được quyền tới lui thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông V thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/. Về án phí: Bà Trần Kim N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000141 ngày 22/4/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như đã nộp xong án phí.

4/. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- UBND xã T, HCL, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa